

Bao bọc cánh tay dùng một lần vô khuẩn dài hơn, bảo vệ cá nhân toàn diện hơn

- **Tăng cường bảo vệ:** Bao bọc cánh tay vô khuẩn BioClean-D™ BDSC-L dài hơn so với các loại thay thế Ansell tiêu chuẩn (chiều dài trung bình là 480mm), tăng cường bảo bọc cho cánh tay
- **Đặc tính ESD:** Chất liệu được phủ chống tĩnh điện, giảm thiểu nguy cơ hư hỏng hoặc nhiễu tĩnh điện
- **Giảm nguy cơ nhiễm bẩn:** Bao bọc cánh tay dùng một lần này cũng được làm từ chất liệu CleanTough™ trọng lượng nhẹ, lượng xơ vải thấp, đảm bảo thoải mái hơn và giảm nguy cơ nhiễm bẩn
- **Tối ưu độ vừa vặn:** Chúng cũng có bo chun co giãn, mang đến cho người mặc sự vừa vặn chắc chắn hơn, an toàn hơn



Key Features and Benefits

- **Dài hơn (480mm):** Tăng cường bảo vệ và bao bọc
- **Lớp phủ chống tĩnh điện:** Kiểm soát phóng tĩnh điện
- **Chất liệu trọng lượng nhẹ, lượng xơ vải thấp:** Ít nguy cơ nhiễm bẩn hơn

Các ngành công nghiệp

- Môi trường được kiểm soát chính xác
- Chế tạo và Sản xuất
- Sản xuất dược phẩm
- Sản xuất công nghệ sinh học
- Sản xuất thiết bị y tế





Bọc cánh tay BioClean-D - S-BDSC- L - Vô khuẩn S-BDSC-L

TECHNICAL DATA SHEET

PRODUCT INFORMATION

Vật liệu	CleanTough™
Tiêu chuẩn kiểm nghiệm	Manufacturing QMS Audit Standards ISO 9001, PPE Regulation 2016 425 Module D
Tiêu chuẩn	ASTM F739, Partial Body Protection Only, CE 0598, EN 1149-5:2008, EN 1149-5:2018, EN 13934-1, EN 13935-2, EN 6530, Tiêu chuẩn EN 7854, Tiêu chuẩn EN 863, Tiêu chuẩn EN 9073-4, Tiêu chuẩn EN ISO 13688:2013, Tiêu chuẩn EN ISO 14325, Tiêu chuẩn ISO 11137-1: 2006, Hạng III, EN 13034:2005 + A1:2009
Tổng quan về bao bì	Một đôi mỗi túi nhựa PE gói trong đóng kín; 15 túi bọc trong cho mỗi túi nhựa PE gói ngoài đóng kín, sáu túi gói ngoài đặt trong thùng các tông có lớp lót (90 đôi)
Bảo quản	Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát 40°C tránh ánh sáng trực tiếp và đèn huỳnh quang
Nước xuất xứ	Trung Quốc
Phương pháp tiệt trùng	Chiếu tia GAMMA (25 kGy)
Liều tiệt khuẩn tối thiểu	25kGy
Mức độ đảm bảo vô trùng	10 ⁻⁶
Loại phòng sạch	Loại 10/ISO 4 & EU GMP Hạng A
Thời hạn sử dụng	Three (3) years from date of manufacture
XÂY DỰNG	Bound seams with single needle stitching

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM RƠI HẠT

KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ
Rơi hạt (Thử nghiệm trống Helmke)	≥ 0.5Qm (số đếm/phút) <260

KẾT QUẢ PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM ASTM F739-12

DƯỢC PHẨM	Thời gian đột phá trung bình (MBT), phút Breakthrough of the test chemical is deemed to have occurred when the permeation rate has reached 0.1 Qg/cm ² /min
CISPLATIN	>240
CARMUSTINE	<6
CYCLOPHOSAMIDE	217 (275,162,215)
DOXORUBICINHYDROCHLORIDE	>240
5-FLUOROURACIL	>240
METHOTREXATE	>240
ETOPOSIDE	>240
PACLITAXEL	<10
THIOTEPA	30 (28,30,33)

Kết quả đạt được trong điều kiện được kiểm soát của phòng thí nghiệm, do phòng thí nghiệm bên ngoài được công nhận thực hiện.

BIỂU ĐỒ KÍCH THƯỚC

Chiều dài chung tối thiểu 480mm



Bọc cánh tay BioClean-D - S-BDSC- L - Vô khuẩn S-BDSC-L

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ĐẶC TÍNH VẬT LIỆU

KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ	LỚP HIỆU SUẤT	PERFORMANCE STANDARD
Chống mài mòn	>10 cycles	1	EN 12947-2
Chống nứt do uốn cong	>50,000 cycles	6	EN ISO 7854
Chống đâm thủng	>5 N	1	ISO 13996
Cường độ chịu xé hình thang Hướnng ngang máy (CD)	>10 N	1	EN ISO 9073-4
Cường độ chịu xé hình thang Hướnng dọc máy (MD)	>10 N	1	EN ISO 9073-4
Độ bền kéo Hướnng ngang máy (CD)	>30 N	1	EN ISO 13934-1
Độ bền kéo Hướnng dọc máy (MD)	>30 N	1	EN ISO 13934-1
Khả năng chống thấm chất lỏng - 30% H ₂ SO ₄	>90%	3	ISO 6530
Khả năng chống thấm chất lỏng - 10% NaOH	>90%	3	ISO 6530
Khả năng chống thấm chất lỏng - O-Xylene	>90%	3	ISO 6530
Khả năng chống thấm chất lỏng- Butan-1-ol	>90%	3	ISO 6530
Khả năng ngấm chất lỏng - 30% H ₂ SO ₄	<1%	3	ISO 6530
Khả năng chống thấm chất lỏng - 10% NaOH	<1%	3	ISO 6530
Khả năng ngấm chất lỏng - O-Xylene	<1%	3	ISO 6530
Khả năng ngấm chất lỏng - Butan-1-ol	<1%	3	ISO 6530
Độ bền đường may ²	>50 N	2	ISO 13935-2
Thời gian bán phân rã điện tích tĩnh, t ₅₀ (giây)	PASS	N/A	EN1149-3

- Seam not destroyed
- The material is static dissipative. Tested in accordance with EN1149-5

Tiêu chuẩn Hiệu suất và Tuân thủ Quy định



Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web www.ansell.com của chúng tôi, hoặc gọi cho chúng tôi theo số

Khu vực Châu Âu, Trung Đông & Châu Phi

Ansell Healthcare Europe NV
Điện thoại: +32 (0) 2 528 74 00
Fax: +32 (0) 2 528 74 01

Khu vực Châu Á Thái Bình Dương

Ansell Global Trading Center
Điện thoại: +603 8310 6688
Fax: +603 8310 6699

Khu vực Bắc Mỹ

Ansell Healthcare Products LLC
Số điện thoại tại Hoa Kỳ: +1 800 800 0444
Số fax tại Hoa Kỳ: +1 800 800 0445
Số điện thoại tại CA: +1 800-363-8340

Khu vực Mỹ Latinh & Caribe

Ansell Commercial Mexico S.A. de C.V.
Điện thoại: +52 442 248 1544 / 248 3133

Australia

Ansell Limited
Điện thoại: +61 1800 337 041
Fax: +61 1800 803 578

Vương quốc Anh

Ansell Nitritex
Điện thoại: +44 1638 663338
Fax: +44 1638 668890



Ansell, ® và ™ là các nhãn hiệu thuộc sở hữu của Ansell Limited hoặc một trong các công ty liên kết của công ty này. Bằng sáng chế Hoa Kỳ và Bằng sáng chế Hoa Kỳ và không thuộc Hoa Kỳ đang chờ xử lý: www.ansell.com/patentmarking © 2024 Ansell Limited. Đã đăng ký Bản quyền.

Tài liệu này cũng như bất kỳ tuyên bố nào khác được đưa ra ở đây bởi hoặc thay mặt cho Ansell đều không được hiểu là sẽ bảo đảm khả năng bán được hoặc rằng bất kỳ sản phẩm nào của Ansell đều phù hợp cho một mục đích cụ thể nào đó. Ansell không chịu trách nhiệm về sự phù hợp hoặc đúng đắn của sự lựa chọn gang tay của người dùng cuối cho một ứng dụng cụ thể.

Vui lòng xem gói xác thực sản phẩm hoặc liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng của Ansell để biết dữ liệu cụ thể về việc sử dụng sản phẩm may mặc dành cho thuốc gây độc tế bào. Sản phẩm may mặc được sử dụng để phòng chống lại các loại thuốc này phải được lựa chọn riêng cho loại hóa chất được sử dụng.

